

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/KDTM-ST
Ngày: 15-8-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng cung cấp
dịch vụ vận chuyển

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung;
Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2024/TLST-KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2025; Thông báo về việc dời ngày xét xử số 28/TB-TA ngày 18 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về việc dời ngày xét xử số 28.1/TB-TA ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần C; địa chỉ: Số A, đường P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Phan Thành Đ - Nhân viên pháp lý Công ty; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/5/2025); vắng, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH V; địa chỉ trụ sở: Số A, Đường số D, Khu phố C, Khu tái định cư P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên lạc: Thửa đất số 437, tờ bản đồ số 274, Khu dân cư V, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Phương Đ1 - Chủ tịch kiêm giám đốc; là người đại diện theo pháp luật của Công ty; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2023, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần C do anh Phan Thành Đ làm đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 07/11/2022, Công ty Cổ phần C (Công ty C) và Công ty TNHH V (Công ty V) có ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển số 2022/VML-M01935 (“Hợp đồng”) để cung cấp dịch vụ vận tải.

Trên thực tế, Công ty C đã cung cấp dịch vụ vận tải cho Việt Mới cho các tháng 03, 04, 05, 06/2023, đã hoàn việc chốt và gửi các Bảng kê và hóa đơn tương ứng. Và vì thế, Công ty V cũng đã đến hạn thực hiện các nghĩa vụ thanh toán Cước phí vận chuyển và Khoản chi hộ phát sinh với Công ty C. Cơ sở như sau:

Theo Điều 3 Hợp đồng, Công ty V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo thời hạn như sau:

Cước phí vận chuyển: Trong vòng 45 ngày cho tháng đầu tiên và trong vòng 90 ngày từ tháng thứ 2 trở đi kể từ ngày phát hành hóa đơn từ Công ty C.

Khoản chi hộ: Trong vòng 45 ngày cho tháng đầu tiên và trong vòng 60 ngày từ tháng thứ 2 trở đi kể từ khi ngày Công ty C gửi chứng từ, hóa đơn gốc.

Ngoài ra, ngày 28/9/2023, đại diện của Công ty V và Công ty C đã ký kết Biên bản cam kết thanh toán (“Cam kết thanh toán”); trong đó:

Công ty V đã xác nhận và đồng ý thanh toán tổng công nợ gốc là 1.192.210.700 đồng. Và, Công ty V đã đưa ra lộ trình cam kết thanh toán cho Công ty C đối với tổng công nợ gốc như sau:

Ngày 28/09/2023: Thanh toán 100.000.000 đồng;

Ngày 06/10/2023: Thanh toán 400.000.000 đồng;

Ngày 13/10/2023: Thanh toán 300.000.000 đồng;

Ngày 20/10/2023: Thanh toán 200.000.000 đồng;

Ngày 15/11/2023: Thanh toán 192.210.700 đồng.

Tuy nhiên, Công ty V đã vi phạm Cam kết thanh toán, vì đã không thanh toán đủ các công nợ vào ngày 06/10/2023 và ngày 13/10/2023. Mặc dù, Công ty C đã nhiều lần có công văn yêu cầu thanh toán nhưng Công ty V vẫn không hoàn tất nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

Do đó, vào ngày 17/10/2023, Công ty C đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu buộc Công ty V phải trả số tiền còn nợ gốc là 742.210.700 đồng và tiền lãi phát sinh là 9.453.260 đồng. Tuy nhiên, trong thời gian hòa giải tại Trung tâm hòa giải thì Công

ty V đã tiến hành thanh toán dần cho Công ty C. Tính đến ngày 15/8/2025, Công ty V còn nợ Công ty C số tiền gốc và lãi phát sinh như sau:

Ngày Việt Mới thanh toán	Tổng nợ cần thanh toán	Số tiền đã thanh toán	Tiền lãi chậm trả (tính trên số nợ gốc còn lại)
17/10/2023	742.210.700		9.453.260
19/10/2023	592.085.400	150.125.300	548.341
23/10/2023	485.025.700	107.059.700	929.294
30/10/2023	416.536.200	68.489.500	1.367.133
05/12/2023	248.209.800	168.326.400	6.093.278
12/01/2024	125.575.500	122.634.300	3.825.755
15/8/2025	125.575.500		29.983.301
TỔNG CỘNG	177.775.862		

Do đó, nay Công ty C yêu cầu: Buộc Công ty V thanh toán tiền nợ gốc còn nợ là 125.575.500 đồng và phải thanh toán cho EcoTruck tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 15/8/2025 là: 29.983.301 đồng; tổng cộng là 177.775.862 đồng. Yêu cầu Công ty V tiếp tục trả cho Công ty C tiền lãi phát sinh từ ngày 16/8/2025 cho đến khi trả xong nợ.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn Công ty TNHH V không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án, vì vậy Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của Công ty TNHH V được.

Tại phiên tòa;

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần C nộp bản tự khai vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc Công ty TNHH V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần C số tiền nợ còn thiếu là: 125.575.500 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/8/2025) là 52.200.362 đồng; yêu cầu tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong nợ. Đồng thời có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển*” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án được thụ lý và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng thời hạn theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trình tự thụ lý, việc xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ, các văn bản tố tụng đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc phiên tòa sơ thẩm;

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nhận thấy, phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện các ngày 12 tháng 11 năm 2024; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án Công ty Cổ phần C (sau đây gọi tắt là Công ty C) yêu cầu Công ty TNHH V (sau đây gọi tắt là Công ty V) phải trả cho Công ty C số tiền gốc còn nợ là: 125.575.500 đồng và tiền lãi chậm trả nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/8/2025) là: 52.200.362 đồng; yêu cầu tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong nợ nên đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển*” theo quy định tại Điều 74 của Luật Thương mại.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, Công ty V có trụ sở tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] *Về sự tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều

238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C về việc buộc Công ty V trả số tiền nợ gốc là 125.575.500 đồng, xét thấy:

Ngày 07/11/2022, giữa Công ty C và Công ty V ký “Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển” số 2022/VML-M01935. Theo đó, Công ty V sẽ thực hiện giao đơn hàng vận chuyển hàng hóa của mình trên hệ thống của Công ty C hoặc email/fax/văn bản với các thông tin chi tiết về hàng hóa, địa điểm, thời gian giao và nhận hàng, quy cách, số lượng hàng hóa, phương thức vận chuyển. Ngay sau khi nhận thông tin Đơn hàng từ Công ty V, Công ty E xác nhận và sắp xếp phương tiện, tài xế phù hợp để thực hiện đơn hàng. Việc vận chuyển được cập nhật liên tục trên hệ thống để chủ hàng kiểm tra và theo dõi tiến trình vận chuyển. Đơn giá vận chuyển được quy định chi tiết theo từng Phụ lục hoặc báo giá tại từng thời điểm. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận về quy trình chốt công nợ và thanh toán; trách nhiệm của các bên; điều khoản sử dụng hệ thống, điều khoản bảo hiểm và bồi thường... Thời hạn của hợp đồng là 01 năm.

Thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển trên, Công ty C đã cung cấp dịch vụ vận tải cho Công ty V cho các tháng 03, 04, 05, 06/2023; Công ty C cũng đã hoàn thành việc chốt và gửi các Bảng kê và hóa đơn tương ứng. Theo Điều 3 Hợp đồng đã ký thì Công ty V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo thời hạn như sau: Đối với cước phí vận chuyển: Trong vòng 45 ngày cho tháng đầu tiên và trong vòng 90 ngày từ tháng thứ 2 trở đi kể từ ngày phát hành hóa đơn từ Công ty C; đối với khoản chi hộ: Trong vòng 45 ngày cho tháng đầu tiên và trong vòng 60 ngày từ tháng thứ 2 trở đi kể từ khi ngày Công ty C gửi chứng từ, hóa đơn gốc. Đến ngày 28/9/2023, đại diện của Công ty V và Công ty C đã ký kết “Biên bản cam kết thanh toán”, theo đó Công ty V xác nhận tính đến ngày 28/9/2023, Công ty V đồng ý thanh toán tổng công nợ gốc cho Công ty C số tiền là 1.192.210.700 đồng (trong đó công nợ cước là: 421.971.900 đồng và công nợ chi hộ là 770.238.800 đồng); đồng thời Công ty V đã đưa ra lộ trình cam kết thanh toán cho Công ty C như sau: Ngày 28/9/2023 thanh toán 100.000.000 đồng; ngày 06/10/2023 thanh toán 400.000.000 đồng; ngày 13/10/2023 thanh toán 300.000.000 đồng; ngày 20/10/2023 thanh toán 200.000.000 đồng và ngày 15/11/2023 thanh toán 192.210.700 đồng. Tuy nhiên, Công ty V không thực hiện đúng như đã cam kết, cụ thể không trả đầy đủ số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 06/10/2023.

Tính đến ngày 17/10/2023 thì Công ty V còn nợ Công ty C tổng số tiền gốc là 742.210.700 đồng. Quá trình giải quyết vụ án thì Công ty V tiếp tục trả cho Công ty C tổng số tiền là 616.635.200 đồng vào các ngày 19/10, 23/10, 30/10, 05/12/2023 và ngày 12/01/2024. Từ ngày 13/01/2024, theo phía Công ty C thì Công ty V không thanh toán cho Công ty C số tiền nào khác. Trong hồ sơ vụ án, không có tài liệu nào thể hiện Công ty V đã trả một phần hay toàn bộ số nợ gốc cho Công ty C từ ngày 13/01/2024, Công ty V cũng không đến Tòa án làm việc nên cần căn cứ lời trình bày bên phía Công ty C, xác định Công ty V còn nợ Công ty C số tiền gốc là: 125.575.500 đồng. Do đó, yêu cầu của Công ty C về số nợ gốc được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả tính đến ngày 15/8/2025 là: 52.200.362 đồng, xét thấy: Theo thỏa thuận tại điểm d mục 3.3 Điều 3 của Hợp đồng đã ký thì Công ty C được quyền tính tiền lãi chậm trả do Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ cho Công ty C. Căn cứ điểm 2.01 (a), 2.01(b) của Hợp đồng cho vay hạn mức số 28/2022-HĐCVHM/NHCT944-Ecotruck ngày 31/7/2022 và Giấy nhận nợ số 1/44-03 ngày 09/12/2022 giữa Công ty C và Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh A - Thành phố Hồ Chí Minh mà Công ty C đã cung cấp thì mức lãi suất được áp dụng là 15%/năm nên việc Công ty C yêu cầu tính lãi suất 15%/năm là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với Điều 306 của Luật Thương mại, Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Cần buộc Công ty V phải trả cho Công ty C số tiền lãi cụ thể là:

Ngày Việt Mới thanh toán	Tổng nợ cần thanh toán	Số tiền đã thanh toán	Tiền lãi chậm trả (tính trên số nợ gốc còn lại)
17/10/2023	742.210.700		9.453.260 đồng
19/10/2023	592.085.400	150.125.300	548.341 đồng
23/10/2023	485.025.700	107.059.700	929.294 đồng
30/10/2023	416.536.200	68.489.500	1.367.133 đồng
05/12/2023	248.209.800	168.326.400	6.093.278 đồng
12/01/2024	125.575.500	122.634.300	3.825.755 đồng
15/8/2025	125.575.500		29.983.301 đồng
TỔNG CỘNG			52.200.362 đồng

[4] Tổng cộng, buộc Công ty V phải trả cho Công ty C tổng số tiền nợ và lãi phát sinh tính đến ngày 15/8/2025 là: 177.775.862 đồng.

[5] Đối với yêu cầu của Công ty C về việc buộc Công ty V phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký từ ngày 16/8/2025 cho đến khi trả xong nợ, xét thấy: Tại Điều 3 của Hợp đồng dịch vụ vận chuyển, các bên có thỏa thuận về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu này của Công ty C được chấp nhận theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Công ty V1 chịu trên số tiền phải trả cho Công ty C (số tiền là 177.775.862 đồng), với số tiền án phí cụ thể là:

$$177.775.862 \text{ đồng} \times 5\% = 8.888.800 \text{ đồng.}$$

- Công ty C không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 238, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 74, Điều 76, Điều 306 của Luật Thương Mại; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C về việc “Tranh chấp hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển” với bị đơn là Công ty TNHH V.

1.1. Buộc Công ty TNHH V phải trả cho Công ty Cổ phần C số nợ do sử dụng dịch vụ vận chuyển còn thiếu và lãi phát sinh là: 177.775.862đ (một trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng).

1.2. Công ty TNHH V tiếp tục trả lãi cho Công ty Cổ phần C số tiền lãi phát sinh từ ngày 16/8/2025 cho đến khi trả xong nợ theo thỏa thuận tại “Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển” đã ký giữa Công ty TNHH V và Công ty Cổ phần C ngày 07/11/2022.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH V phải nộp số tiền 8.888.800đ (tám triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm đồng).

2.2. Công ty Cổ phần C không phải nộp; hoàn trả cho Công ty Cổ phần C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.758.000đ (ba triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002468 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - TPHCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh
(Phòng THADS Khu vực 15);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Vọng